**TRẮC NGHIỆM GDCD 11 THEO TỪNG BÀI HỌC**

BÀI 1

Câu 1: Vì sao sản xuất của cải vật chất là cơ sở của đời sống xã hội loài người?

a. Sản xuất của cải vật chất là điều kiện để tồn tại xã hội.

b. Sản xuất của cải vật chất mở rộng là tiền đề, cơ sở thúc đẩy việc mở rộng các hoạt động khác của xã hội.

c. Thông qua hoạt động sản xuất của cải vật chất, bản thân con người ngày càng phát triển và hoàn thiện hơn.

d. Cả a, b, c đều đúng.

Câu 2: Sự tác động của con người vào tự nhiên biến đổi các yếu tố tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình gọi là:

a. Sản xuất kinh tế b. Thỏa mãn nhu cầu.

c. Sản xuất của cải vật chất. d. Quá trình sản xuất.

Câu 3: Xác định đúng đắn vai trò của sản xuất của cải vật chất có ý nghĩa như thế nào?

a. Giúp con người biết trân trọng giá trị của lao động và của cải vật chất của xã hội.

b. Giúp con người giải thích nguồn gốc sâu xa của mọi hiện tượng kinh tế - xã hội, hiểu được nguyên nhân cơ bản của quá trình phát triển lịch sử xã hội loài người.

c. Giúp cho chúng ta hiểu rõ hơn về sự sáng tạo và năng lực lao động vô tận của con người trong lịc sử phát triển lâu dài.

d. a và c đúng, b sai.

Câu 4: Sản xuất của cải vật chất giữ vai trò như thế nào đến sự tồn tại của xã hội?

a. Cơ sở. b. Động lực. c. Đòn bẩy. d. Cả a, b, c đúng.

Câu 5: Sản xuất của cải vật chất giữ vai trò như thế nào đến mọi hoạt động của xã hội?

a. Quan trọng. b. Quyết định. c. Cần thiết. d. Trung tâm.

Câu 6: Yếu tố nào sau đây quyết định mọi hoạt động của xã hội?

a. Sự phát triển sản xuất. b. Sản xuất của cải vật chất. c. Đời sống vật chất, tinh thần. d. Cả a, b, c.

Câu 7: Phương án nào sau đây nêu đúng nhất sự khác biệt giữa sức lao động và lao động?

a. Sức lao động là năng lực lao động, còn lao động là hoạt động cụ thể có mục đích, có ý thức của con người.

b. Sức lao động là cơ sở để phân biệt khả năng lao động của từng người cụ thể, còn những người lao động khác nhau đều phải làm việc như nhau.

c. Sức lao động là khả năng của lao động, còn lao động là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực.

d. Cả a, b, c đều sai.

Câu 8:Toàn bộ năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào trong quá trình sản xuất được gọi là gì?

a. Sức lao động. b. Lao động. c. Sản xuất của cải vật chất. d. Hoạt động.

Câu 9: Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người được gọi là gì?

a. Sản xuất của cải vật chất. b. Hoạt động. c. Tác động. d. Lao động.

Câu 10: Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất là gì?

a. Sức lao động,đối tượng lao động,công cụ lao động. b. Sức lao động,đối tượng lao động,tư liệu lao động.

c. Sức lao động,công cụ lao động,tư liệu lao động. d. Sức lao động,tư liệu lao động,công cụ sản xuất.

Câu 11: Những yếu tố tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người được gọi là gì?

a. Tư liệu lao động. b. Công cụ lao động. c. Đối tượng lao động. d. Tài nguyên thiên nhiên

Câu 12: Sức lao động là gì?

a. Năng lực thể chất của con người. b. Năng lực tinh thần của con người.

c. Năng lực thể chất và tinh thần của con người.

d. Năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào trong quá trình sản xuất.

Câu 13: Vì sao sức lao động giữ vai trò quan trọng nhất, quyết định nhất trong yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất?

a. Vì sức lao động có tính sáng tạo. Vì sức lao động của mỗi người là không giống nhau.

c. Vì suy đến cùng, trình độ phát triển của tư liệu sản xuất là phản ánh sức lao động sáng tạo của con người.

d. Cả a, c đúng.

Câu 14: Tư liệu sản xuất được chia thành những loại nào?

a. Công cụ lao động, hệ thống bình chứa, kết cấu hạ tầng.

b. Công cụ lao động, công cụ sản xuất, hệ thống bình chứa.

c. Công cụ sản xuất, hệ thống bình chứa, kết cấu hạ tầng.

d. Cả a, c đều đúng.

\*Câu15: Thế nào là cơ cấu kinh tế hợp lí?

a.Là cơ cấu kinh tế phát huy được mọi tiềm năng nội lực của toàn bộ nền kinh tế

b. Là cơ cấu kinh tế phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại

c. Là cơ cấu kinh tế gắn với phân công lao động và hợp tác quốc tế

d. Cả a, b, c đúng

Câu 15: Trong tư liệu lao động thì loại nào quan trọng nhất?

a. Tư liệu sản xuất. b. Công cụ lao động. c. Hệ thống bình chứa d.Kết cấu hạ tầng

Câu 16: Trong cơ cấu kinh tế, cơ cấu nào quan trọng nhất?

a. Cơ cấu ngành kinh tế. b. Cơ cấu thành phần kinh tế. c. Cơ cấu vùng kinh tế.

\*Câu 17:Tư liệu lao động được phân thành mấy loại?

a. 2 loại. b. 3 loại. c. 4 loại. d. 5 loại.

Câu 17: Đối tượng lao động được phân thành mấy loại?

a. 2 loại. b. 3 loại. c. 4 loại. d. 5 loại.

Câu 18: Hệ thống bình chứa của sản xuất thuộc yếu tố cơ bản nào của quá trình sản xuất?

a. Đối tượng lao động đã trải qua tác động của lao động. b. Tư liệu lao động.

c. Đối tượng lao động của các ngành công nghiệp chế biến, đặc biệt là công nghiệp hóa chất.

d. Nguyên vật liệu nhân tạo.

Câu 19: Kết cấu hạ tầng của sản xuất thuộc yếu tố cơ bản nào của quá trình sản xuất?

a. Đối tượnglao động đã trải qua tác động của lao động. b. Tư liệu lao động.

c. Đối tượng lao động của các ngành giao thông vận tải. d. yếu tố nhân tạo.

Câu 20: Đối với thợ may, đâu là đối tượng lao động?

a. Máy khâu. b. Kim chỉ. c. Vải. d. Áo, quần.

Câu 21: Đối với thợ mộc, đâu là đối tượng lao động?

a. Gỗ. b. Máy cưa. c. Đục, bào. d. Bàn ghế.

Câu 22: Phát triển kinh tế là gì?

a. Tăng trưởng kinh tế. b. Cơ cấu kinh tế hợp lí. c. Tiến bộ công bằng xã hội. d. Cả a, b, c đúng.

Câu 23: Phát triển kinh tế có ý nghĩa như thế nào đối với xã hội?

a. Tạo điều kiện cho mọi người có việc là và thu nhập. b. Cơ sở thực hiện và xây dựng hạnh phúc.

c. Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.

c. Thực hiện dân giàu, nước mạnh; xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

Câu 24: Phát triển kinh tế có ý nghĩa như thế nào đối với cá nhân?

a. Tạo điều kiện cho mọi người có việc là và thu nhập. b. Cơ sở thực hiện và xây dựng hạnh phúc.

c. Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế. c. Thực hiện dân giàu, nước mạnh.....

Câu 25: Cơ cấu kinh tế là gì?

a.Là mối quan hệ hữu cơ phụ thuộc và quy định lẫn nhau giữa các ngành kinh tế, thành phần kinh tế và vùng kinh tế

b. Là tổng thể mối quan hệ hữu cơ phụ thuộc và quy định lẫn nhau giữa các ngành kinh tế, thành phần kinh tế và vùng kinh tế

c. Là mối quan hệ hữu cơ phụ thuộc và quy định lẫn nhau cả về quy mô và trình độ giữa các ngành kinh tế, thành phần kinh tế và vùng kinh tế

d. Là tổng thể mối quan hệ hữu cơ phụ thuộc và quy định lẫn nhau cả về quy mô và trình độ giữa các ngành kinh tế, thành phần kinh tế và vùng kinh tế

BÀI 2

Câu 1: Các vật phẩm được trở thành hàng hóa khi nào?

a. Do lao động tạo ra. b. Có công dụng nhất định. c. Thông qua mua bán. d. Cả a, b, c đúng.

Câu 2: Hàng hóa có những thuộc tính nào sau đây?

a. Giá trị, giá trị sử dụng. b. Giá trị, giá trị trao đổi. c.Giá trị trao đổi,giá trị sử dụng. d. Giá trịsử dụng.

Câu 3: Mục đích mà người sản xuất hàng hóa hướng đến là gì?

a. Giá cả. b. Lợi nhuận. c. Công dụng của hàng hóa. d. Số lượng hàng hóa.

Câu 4: Mục đích mà người tiêu dùng hướng đến là gì?

a. Giá cả. b. Lợi nhuận. c. Công dụng của hàng hóa. d. Số lượng hàng hóa.

Câu 5: Mối quan hệ nào sau đây là quan hệ giữa giá trị và giá trị trao đổi?

a. 1m vải = 5kg thóc. b. 1m vải + 5kg thóc = 2 giờ. c.1m vải = 2 giờ. d. 2m vải = 10kg thóc = 4 giờ.

Câu 6: Giá trị của hàng hóa được biểu hiện thông qua yếu tố nào?

a. Giá trị trao đổi. b. Giá trị số lượng, chất lượng.

c. Lao động xã hội của người sản xuất. d. Giá trị sử dụng của hàng hóa.

\*Câu 7:Giá trị của hàng hóa là gì?

a. Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa.

b. Lao động của người sản xuất được kết tinh trong hàng hóa.

c. Lao động xã hội của người sản xuất được kết tinh trong hàng hóa.

d. Lao động của người sản xuất hàng hóa.

Câu 7: Tại sao hàng hóa là một phạm trù lịch sử?

a. Vì hàng hóa chỉ ra đời và tồn tại trong nền kinh tế hàng hóa.

b. Vì hàng hóa xuất hiện rất sớm trong lịc sử phát triển loài người.

c. Vì hàng hóa ra đời gắn liền với sự xuất hiện của con người trong lịch sử.

d. Vì hàng hóa ra đời là thước đo trình độ phát triển sản xuất và hoạt động thương mại của lịch sử loài người.

Câu 8: Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa được tính bằng yếu tố nào?

a. Thời gian tạo ra sản phẩm. b. Thời gian trung bình của xã hội.

c. Thời gian cá biệt. d. Tổng thời gian lao động.

Câu 9: Giá trị xã hội của hàng hóa được xác định trong điều kiện sản xuất nào sau đây?

a. Tốt. b. Xấu. c. Trung bình. d. Đặc biệt.

Câu 10: Giá trị xã hội của hàng hóa được xác định bởi:

a. Thời gian lao động cá biệt của người sản xuất ra hàng hóa tốt nhất.

b. Thời gian lao động cá biệt của người sản xuất ra nhiều hàng hóa tốt nhất.

c. Thời gian lao động xã hội cần thiết.

d. Thời gian lao động hao phí bình quân của mọi người sản xuất hàng hóa.

Câu 11: Giá trị sử dụng của hàng hóa được hiểu là gì?

a. Công dụng nhất định thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.

b. Công dụng thỏa mãn nhu cầu vật chất. c. Công dụng thỏa mãn nhu cầu tinh thần.

d.Công dụng thỏa mãn nhu cầu mua bán.

\*Câu 11:Để có được lợi nhuận cao và giành được ưu thế cạnh tranh người sản xuất phải đảm bảo điều kiện nào sau đây?

a. Phải giảm giá trị cá biệt của hàng hóa b. Phải tăng giá trị cá biệt của hàng hóa

c. Giữ nguyên giá trị cá biệt của hàng hóa d. Phải giảm giá trị xã hội của hàng hóa

Câu 12: Để may xong một cái áo, hao phí lao động của anh B tính theo thời gian mất 4 giờ. Vậy 4 giờ lao động của anh B được gọi là gì?

a. Thời gian lao động xã hội cần thiết. b. Thời gian lao động cá biệt.

c. Thời gian lao động của anh B. d. Thời gian lao động thực tế.

Câu 13.1: Giá trị xã hội của hàng hóa bao gồm những bộ phận nào?

a.Giá trị TLSX đã hao phí, giá trị sức lao động của người sản xuất hàng hóa

b . Giá trị TLSX đã hao phí, giá trị tăng thêm

c. Giá trị TLSX đã hao phí, giá trị sức lao động của người sản xuất hàng hóa, giá trị tăng thêm

d. Giá trị sức lao động của người sản xuất hàng hóa, giá trị tăng thêm

Câu 13.2: Hàng hóa có thể tồn tại dưới những dạng nào sau đây?

a. Vật thể. b. Phi vật thể. c. Cả a, b đều đúng. d. Cả a, b đều sai.

Câu 14: Hãy chỉ ra một trong những chức năng của tiền tệ?

a. Phương tiện thanh toán. b. Phương tiện mua bán. c. Phương tiện giao dịch. d. Phương tiện trao đổi.

\*Câu 14: Giá trị xã hội của hàng hóa được kết tinh trong hàng hóa bao gồm những yếu tố nào?

a.Chi phí sản xuất và lợi nhuận b. Chi phí sản xuất

c. Lợi nhuận d. Cả a, b, c sai

Câu 15: Hãy chỉ ra một trong những chức năng của tiền tệ?

a. Thước đo kinh tế. b. Thước đo giá cả. c. Thước đo thị trường. d. Thước đo giá trị.

Câu 16: Hãy chỉ ra đâu là hình thái tiền tệ?

a. 1 con gà = 9 kg thóc = 5 m vải. b. 0.1 gam vàng = 5 m vải = 5 kg chè.

c. 1 con gà + 9 kg thóc + 5 m vải. d. 0.1 gam vàng + 5 m vải + 5 kg chè.

Câu 17: Tại sao nói tiền tệ là hàng hóa đặc biệt?

a. Vì tiền tệ chỉ xuất hiện khi sản xuất hàng hóa đã phát triển.

b. Vì tiền tệ ra đời là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của các hình thái giá trị.

c. Vì tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được tách ra làm vật ngang giá chung cho tất cả các hàng hóa.

d. Vì tiền tệ là hàng hóa nhưng không đi vào tiêu dùng thông qua trao đổi mua bán.

Câu 18: Tiền tệ thực hiện chức năng thước do giá trị khi nào?

a. Khi tiền dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa.

b. Khi tiền dùng làm phương tiện lưu thông, thúc đẩy quá trình mua bán hàng hóa diễn ra thuận lợi.

c. Khi tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch mua bán.

d. Khi tiền rút khỏi lưu thông và đi vào cất trữ.

Câu 19: Bác A trồng rau sạch để bán lấy tiền rồi dùng tiền đó mua gạo. Vậy tiền đó thực hiện chức năng gì?

a. Phương tiện thanh toán. b. Phương tiện giao dịch.

c. Thước đo giá trị. d. Phương tiện lưu thông.

Câu 20: Hiện tượng lạm phát xảy ra khi nào?

a. Khi Nhà nước phát hành thêm tiền. b. Khi nhu cầu của xã hội về hàng hóa tăng thêm.

c. Khi đồng nội tệ mất giá. d. Khi tiền giấy đưa vào lưu thông vượt quá số lượng cần thiết.

Câu 21: Giá trị của một hàng hóa được biểu hiện ở nhiều hàng hóa khác nhau là đặc trưng của hình thái giá trị nào?

a. Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên. b. Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng.

c. Hình thái chung của giá trị. d. Hình thái tiền tệ.

Câu 22: Giá trị của một hàng hóa được biểu hiện ở hàng hóa khác là đặc trưng của hình thái giá trị nào?

a. Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên. b. Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng.

c. Hình thái chung của giá trị. d. Hình thái tiền tệ.

Câu 23: Giá trị của những hàng hóa được biểu hiện ở một hàng hóa là đặc trưng của hình thái giá trị nào?

a. Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên. b. Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng.

c. Hình thái chung của giá trị. d. Hình thái tiền tệ.

Câu 24: Giá trị của những hàng hóa được biểu hiện ở hàng hóa đặc biệt là vàng là đặc trưng của hình thái giá trị nào?

a. Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên. b. Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng.

c. Hình thái chung của giá trị. d. Hình thái tiền tệ.

Câu 25: Tháng 09 năm 2008 1 USD đổi được 16 700 VNĐ, điều này được gọi là gì?

a. Tỷ giá hối đoái. b. Tỷ giá trao đổi. c. Tỷ giá giao dịch. d. Tỷ lệ trao đổi.

Câu 26: Thị trường bao gồm những nhân tố cơ bản nào?

a. Hàng hóa, tiền tệ, cửa hàng, chợ. b. Hàng hóa, người mua, người bán.

c. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán. d. Người mua, người bán, tiền tệ.

Câu 27: Sản xuất hàng hóa số lượng bao nhiêu, giá cả như thế nào do nhân tố nào quyết định?

a. Người sản xuất. b. Thị trường. c.Nhà nước. d. Người làm dịch vụ.

Câu 28: Thị trường có những mối quan hệ cơ bản nào?

a. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán. b. Hàng hóa, người mua, người bán.

c.Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán, cung cầu, giá cả. d. Người mua, người bán, cung cầu, giá cả.

Câu 29: Một trong những chức năng của thị trường là gì?

a. Kiểm tra hàng hóa. b. Trao đổi hàng hóa. c. Thực hiện. d. Đánh giá

Câu 30: Những chức năng của thị trường là gì?

a. Thông tin, điều tiết. b. Kiểm tra, đánh giá. c. Thừa nhận, quy định d. Cả a, b, c đúng.

BÀI 3

Câu 1: Quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa là quy luật nào?

a. Quy luật cung cầu. b. Quy luật cạnh tranh.

c. Quy luật giá trị d. Quy luật kinh tế

Câu 2: Để may một cái áo A may hết 5 giờ. Thời gian lao động xã hội cần thiết để may cái áo là 4 giờ. Vậy A bán chiếc áo giá cả tương ứng với mấy giờ?

a. 3 giờ. b. 4 giờ. c. 5 giờ. d. 6 giờ.

Câu 3: Bác A trồng rau ở khu vực ngoại thành Hà Nội. Bác mang rau vào khu vực nội thành để bán vì giá cả ở nội thành cao hơn. Vậy hành vi của bác A chịu tác động nào của quy luật giá trị?

a. Điều tiết sản xuất. b. Tỷ suất lợi nhuận cao của quy luật giá trị.

c. Tự phát từ quy luật giá trị. d. Điều tiết trong lưu thông.

Câu 4: Việc là chuyển từ sản xuất mũ vải sang sản xuất vành mũ bảo hiểm chịu tác động nào của quy luật giá trị?

a. Điều tiết sản xuất. b. Tỷ suất lợi nhuận cao của quy luật giá trị.

c. Tự phát từ quy luật giá trị. d. Điều tiết trong lưu thông.

Câu 5: Nhà nước cần có chủ trương gì để phát huy mặt tích cực hạn chế tác động phân hóa giàu nghèo của quy luật giá trị?

a. Đổi mới nền kinh tế. b. Thống nhất và mở cửa thị trường.

c. Ban hành và sử dụng pháp luật, chính sách kinh tế, xã hội. d. Cả a, b, c đúng.

Câu 6:Công dân cần vận dụng quy luật giá trị như thế nào?

a. Giảm chi phí sản xuất. b. Nâng cao chất lượng hàng hóa.

c. Điều chỉnh, chuyển đổi cơ cấu sản xuất. d. Cả a, b, c đúng.

Câu 7: Giá cả của hàng hóa trên thị trường biểu hiện như thế nào?

a. Luôn ăn khớp với giá trị b. Luôn cao hơn giá trị

c. Luôn thấp hơn giá trị d. Luôn xoay quanh giá trị

Câu 8: Quy luật giá trị quy định người sản xuất và lưu thông hàng hóa trong quá trình sản xuất và lưu thong phải căn cứ vào đâu?

a. Thời gian lao động xã hội cần thiết b. Thời gian lao động cá biệt

c. Thời gian hao phí để sản xuất ra hàng hóa d. Thời gian cần thiết

Câu 9: Quy luật giá trị quy định trong sản xuất từng sản phẩm biểu hiện như thế nào?

a. Giá cả = giá trị b. Thời gian lao động cá biệt > Thời gian lao động xã hội cần thiết

c. Giá cả < giá trị d. Thời gian lao động cá biệt phù hợp thời gian lao động xã hội cần thiết

Câu 10: Quy luật giá trị quy định trong lưu thông tổng sản phẩm biểu hiện như thế nào?

a. Tổng giá cả = Tổng giá trị b. Tổng giá cả > Tổng giá trị

c. Tổng giá cả < Tổng giá trị d. Tổng giá cả # Tổng giá trị

Câu 11: Vì sao giá cả từng hàng hóa và giá trị từng hàng hóa trên thị trường không ăn khớp với nhau?

a. Vì chịu tác động của quy luật giá trị b. Vì chịu sự tác động của cung – cầu, cạnh tranh …

c. Vì chịu sự chi phối của người sản xuất

d. Vì thời gian sản xuất của từng người trên thị trường không giống nhau

Câu 12: Quy luật giá trị tác động như thế nào trong sản xuất và lưu thông hàng hóa?

a.Diều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

b. Kích thích LLSX phát triể và năng suất lao động tăng lên

c. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa

d. Cả a, b, c đúng

Câu 13: Quy luật giá trị có bao nhiêu tác động đến sản xuất và lưu thông hàng hóa?

a.2 b. 3 c. 4 d. 5

Bài 4

Câu 1: Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá cạnh tranh dùng để gọi tắt cho cụm từ nào sau đây:

a.Canh tranh kinh tế. b. Cạnh tranh chính trị. c. Cạnh tranh văn hoá. d. Cạnh tranh sản xuất.

Câu 2: Nội dung cốt lõi của cạnh tranh được thể hiện ở khía cạnh nào sau đây?

a. Tính chất của cạnh tranh. b. Các chủ thể kinh tế tham gia cạnh tranh.

c. Mục đích của cạnh tranh. d. Cả a, b, c đều đúng.

Câu 3: Cạnh tranh là gì?

a. Là sự giành giật, lấn chiếm của các chủ thể kinh tế trong sản xuất và kinh doanh hàng hoá……

b. Là sự giành lấy điều kiện thuận lợi của các chủ thể kinh tế trong sản xuất và kinh doanh hàng hoá……

c. Là sự đấu tranh, giành giật của các chủ thể kinh tế trong sản xuất và kinh doanh hàng hoá……

d. Là sự ganh đua, đấu tranh của các chủ thể kinh tế trong sản xuất và kinh doanh hàng hoá……

Câu 4: Khái niệm cạnh tranh xuất hiện từ khi nào?

a. Khi xã hội loài người xuất hiện. b. Khi con người biết lao động.

c. Khi sản xuất và lưu thông hàng hoá xuất hiện. d. Khi ngôn ngữ xuất hiện.

Câu 5: Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là gì?

a. Tồn tại nhiều chủ sở hữu. b. Điều kiện sản xuất và lợi ích của mỗi đơn vị kinh tế là khác nhau.

c. Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất kinh doanh, có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau. d. Cả a, b đúng.

Câu 6: Có bao nhiêu loại cạnh tranh:

a. 4 b. 5 c. 6 d. 7

Câu 7: Cạnh tranh giữa người bán và người bán diễn ra trên thị trường khi nào?

a. Người mua nhiều, người bán ít. b. Người mua bằng người bán.

c. Người bán nhiều, người mua ít. d. Thị trường khủng hoảng.

Câu 8: Cạnh tranh giữa người mua và người mua diễn ra trên thị trường khi nào?

a. Người mua nhiều, người bán ít. b. Người mua bằng người bán.

c. Người bán nhiều, người mua ít. d. Thị trường khủng hoảng.

C âu 9: Thế nào là cạnh tranh trong nội bộ ngành?

a. Là sự ganh đua về kinh tế trong các ngành sản xuất khác nhau.

b. Là sự ganh đua về kinh tế giữa các doanh nghiệp trong cùng một ngành hàng .

c. Là sự ganh đua về kinh tế của các tập đoàn kinh tế lớn.

d. Là sự ganh đua về kinh tế của các đơn vị sản xuất trong nước.

Câu 10: Thế nào là sự cạnh tranh giữa các ngành?

a. Là sự ganh đua về kinh tế trong các ngành sản xuất khác nhau.

b. Là sự ganh đua về kinh tế giữa các doanh nghiệp trong cùng một ngành hàng .

c. Là sự ganh đua về kinh tế của các tập đoàn kinh tế lớn.

d. Là sự ganh đua về kinh tế của các đơn vị sản xuất trong nước.

C âu 11: Cạnh tranh giữ vai trò như thế nào trong sản xuất và lưu thông hàng hoá?

a. Một đòn bẩy kinh tế. b. Cơ sở sản xuất và lưu thông hàng hoá.

c. Một động lực kinh tế. d. Nền tảng của sản xuất và lưu thông hàng hoá.

Câu 12: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh là gì?

a.Giành hợp đồng k.tế, các đơn đặt hàng b.Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực SX khác

c.Giành ưu thế về khoa học công nghệ d. Giành nhiều lợi nhuận nhất về mình

Câu 13: Khi Việt Nam là thành viên của WTO thì mức độ tính chất của loại cạnh tranh nào diễn ra quyết liệt?

a. Cạnh tranh trong mua bán. b. Cạnh tranh trong nội bộ ngành

c. Cạnh tranh giữa các ngành. d. Cạnh tranh trong nước và ngoài nước.

Bài 5

Câu 1:Trong nền kinh tế hàng hoá khái niệm cầu được dùng để gọi tắt cho cụm từ nào?

a. Nhu cầu của mọi người. b. Nhu cầu của người tiêu dùng.

c. Nhu cầu có khả năng thanh toán. d. nhu cầu tiêu dùng hàng hoá.

Câu 2: Trong nền sản xuất hàng hoá mục đích của sản xuất là gì?

a. Để tiêu dùng. b. Để bán. c. Để trưng bày d. Cả a và b đúng

Câu 3: Khái niệm tiêu dùng được hiểu như thế nào?

a. Tiêu dùng cho sản xuất b. Tiêu dùng cho đời sống cá nhân

c. Tiêu dùng cho gia đình d. Cả a và b đúng.

Câu 4: Trường hợp nào sau đây được gọi là cầu?

a. Anh A mua xe máy thanh toán trả góp b. Ông B mua xe đạp hết 1 triệu đồng.

c. Chị C muốn mua ô tô nhưng chưa có tiền d. Cả a và b đúng.

Câu 5: Những yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến cầu?

a. Giá cả, thu nhập b. Thu nhập, tâm lý, phong tục tập quán

c. Giá cả, thu nhập, tâm lý, thị hiếu d. Giá cả, thu nhập, tâm lý, thị hiếu, phong tục tập quán.

Câu 6: Trường hợp nào sau đây được gọi là cung?

a. Công ty A đã bán ra 1 triệu sản phẩm. b. Công ty A còn trong kho 1 triệu sản phẩm.

c. Dự kiến công ty A ngày mai sẽ sản xuất thêm 1 triệu sản phẩm d. Cả a, b đúng

Câu 7: Yếu tố nào ảnh hưởng đến cung mang tính tập trung nhất?

a. Giá cả b. Nguồn lực c. Năng suất lao động d. Chi phí sản xuất

Câu 8: Thực chất quan hệ cung- cầu là gì?

a.Là mqh tác động qua lại giữa cung và cầu HH trên thị trường

b.Là mqh tác động qua lại giữa cung, cầu HH và giá cả trên thị trường

c.Là mối quan hệ tác động giữa người mua và người bán hay người SX và người TD đang diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng HH, dịch vụ.

d .Là mqh tác động qua lại giữa giá cả thị trường và cung, cầu HH. Giá cả thấp thì cung giảm, cầu tăng và ngược lại.

Câu 9: Trên thực tế, sự vận động của cung, cầu diễn ra ntn?

a. Cung, cầu thường vận động không ăn khớp nhau b. Cung, cầu thường cân bằng

c.Cung thường lớn hơn cầu d. Cầu thường lớn hơn cung.

Câu 10: Cung và giá cả có mối quan hệ như thế nào?

a. Giá cao thì cung giảm b. Giá cao thì cung tăng

c. Giá thấp thì cung tăng d. Giá biến động nhưng cung không biến động.

Câu 11: Cầu và giá cả có mối quan hệ như thế nào?

a. Giá cao thì cầu giảm b. Giá cao thì cầu tăng

c. Giá thấp thì cầu tăng d. Cả a, c đúng.

Câu 12: Mối quan hệ cung cầu là mối quan hệ tác động giữa ai với ai?

a. Người mua và người bán b. Người bán và người bán

c. Người sản xuất với người tiêu dùng d. Cả a, c đúng

Câu 13: Mối quan hệ cung cầu là mối quan hệ tác động giữa ai với ai?

a. Người mua và người bán b. Người bán và người bán

c. Người sản xuất với người sản xuất d. Cả a, c đúng

Câu 14: Nội dung của quan hệ cung cầu được biểu hiện như thế nào?

a. Cung cầu tác động lẫn nhau b. Cung cầu ảnh hưởng đến giá cả

c. Giá cả ảnh hưởng đến cung cầu d. Cả a, b, c đúng.

Câu 15: Khi cầu tăng dẫn đến sản xuất mở rộng dẫn đến cung tăng là nội dung của biểu hiện nào trong quan hệ cung - cầu ?

a. Cung cầu tác động lẫn nhau b. Cung cầu ảnh hưởng đến giá cả

c. Giá cả ảnh hưởng đến cung cầu d. Thị trường chi phối cung cầu

Câu 16: Khi cầu giảm dẫn đến sản xuất mở rộng dẫn đến cung giảm là nội dung của biểu hiện nào trong quan hệ cung - cầu ?

a. Cung cầu tác động lẫn nhau b. Cung cầu ảnh hưởng đến giá cả

c. Giá cả ảnh hưởng đến cung cầu d. Thị trường chi phối cung cầu

C âu 17: Khi trên thị trường giá cả giảm thì xảy ra trường hợp nào sau đây?

a. Cung và cầu tăng b. Cung và cầu giảm

c. Cung tăng, cầu giảm d. Cung giảm, cầu tăng

C âu 18: Khi trên thị trường giá cả tăng thì xảy ra trường hợp nào sau đây?

a. Cung và cầu tăng b. Cung và cầu giảm

c. Cung tăng, cầu giảm d. Cung giảm, cầu tăng

Câu 19: Khi trên thị trường cung lớn hơn cầu thì xảy ra trường hợp nào sau đây?

a. Giá cả tăng b. Giá cả giảm

c. Giá cả giữ nguyên d. Giá cả bằng giá trị

Câu 20: Khi trên thị trường cung nhỏ hơn cầu thì xảy ra trường hợp nào sau đây?

a. Giá cả tăng b. Giá cả giảm

c. Giá cả giữ nguyên d. Giá cả bằng giá trị

Câu 21: Khi là người bán hàng trên thị thị trường, để có lợi, em chọn trường hợp nào sau đây:

a.Cung = cầu. b.Cung > cầu. c. Cung < cầu. d. Cung # cầu

Câu 22: Khi là người mua hàng trên thị thị trường, để có lợi, em chọn trường hợp nào sau đây:

a.Cung = cầu. b. Cung > cầu. c. Cung < cầu. d. Cung # cầu

Bài 6

Câu 1: Quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến hiện đại vào quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lí kinh tế xã hội là quá trình nào sau đây?

a. Hiện đại hoá b. Công nghiệp hoá c. Tự động hoá d. Công nghiệp hoá - hiện đại hoá

Câu 2: Quá trình chuyển đổi căn bản các hoạt động sản xuất từ sử dụng sức lao động thủ công sang sư dụng sức lao động dựa trên sự phát triển của công nghiệp cơ khí là quá trình nào sau đây?

a. Hiện đại hoá b. Công nghiệp hoá c. Tự động hoá d. Công nghiệp hoá - hiện đại hoá

Câu 3: Cuộc Cách mạng khoa học kỉ thuật lần thứ nhất diễn ra vào thời gian nào?

a. Thế kỷ VII b. Thế kỷ XVIII c. Thế kỷ XIX d. Thế kỷ XX

Câu 4: Cuộc Cách mạng khoa học kỉ thuật lần thứ hai diễn ra vào thời gian nào?

a. Thế kỷ VII b. Thế kỷ XVIII c. Thế kỷ XIX d. Thế kỷ XX

Câu 5: Cuộc Cách mạng khoa học kỉ thuật lần thứ nhất ứng với qúa trình nào sau đây?

a. Hiện đại hoá b. Công nghiệp hoá c. Tự động hoá d. Công nghiệp hoá - hiện đại hoá

Câu 6: Cuộc Cách mạng khoa học kỉ thuật lần thứ hai ứng với qúa trình nào sau đây?

a. Hiện đại hoá b. Công nghiệp hoá c. Tự động hoá d. Công nghiệp hoá - hiện đại hoá

Câu 7: Thành tựu nổi bật của cuộc cách mạng khoa học kỷ thuật làn thứ nhất là gì?

a. Điện b. Máy tính c. Máy hơi nước d. Xe lửa

Câu 8: Thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỷ thuật làn thứ nhất ứng dụng vào lĩnh vực nào?

a. Nông nghiệp b. Sản xuất c. Dịch vụ d. Kinh doanh

Câu 9: Thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỷ thuật làn thứ hai ứng dụng vào lĩnh vực nào?

a. S ản xuất b. Kinh doanh. dịch vụ c. Quản lý kinh tế, xã hội d. Cả a, b, c đúng

Câu 10: Vì sao CNH phải gắn liền với HĐH?

a. Vì nhân loại đã trải qua hai cuộc cách mạng kỉ thuật và công nghệ.

b.Xu hướng toàn cầu hóa, mở ra cơ hội mới cho các nước tiến hành CNH sau như Việt Nam.

c. Tránh sự tụt hậu, rút ngắn thời gianđể HĐH mọi mặt. d. Cả a, b, c đều đúng

Câu 11: Vì sao phải tiến hành CNH – HĐh đất nước?

a. Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất kỉ thuật cho CNXH.

b. Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu xa về kinh tế, kỉ thuật, công nghệ, do yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

c. Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất kỉ thuật cho CNXH, do yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động xã hội cao. d. Cả a, b đều đúng.

Câu 12: Nội dung cơ bản của công nghiệp hoá , hiện đại hoá là gì?

a.Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất b. Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, hiệu quả.

c. Củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của QHSX XHCN d. Cả a,b, c đúng

Câu 13:Cơ cấu kinh tế là tổng thể quan hệ hữu cơ, phụ thuộc và quy đinh lẫn nhau về quy mô và trình độ của cơ cấu nào sau đây?

a. Cơ cấu kinh tế ngành b. Cơ cấu vùng kinh tế c. Cơ cấu thành phần kinh tế d. Cả a, b, c đúng

Câu 14: Đi đôi với chuyển dich cơ cấu kinh tế phải chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng CNH – HĐH gắn với phát triển yếu tố nào sau đây?

a. Kinh tế nông nghiệp b. Kinh tế hiện đại c. Kinh tế tri thức d. Kinh tế thị trường

Câu 15: Em đồng ý với ý kiến nào sau đây

a. Để xây dựng CSVC kĩ thuật của CNXH, nước ta cần tự nghiên cứu, xây dựng.

b. Để xây dựng CSVC kĩ thuật của CNXH, nước ta cần nhận chuyển giao kỹ thuật và công nghệ hiện đại từ các nước tiên tiến.

c. Để xây dựng CSVC kĩ thuật của CNXH, nước ta cần kết hợp tự nghiên cứu, xây dựng vừa nhận chuyển giao kỹ thuật và công nghệ hiện đại từ các nước tiên tiến.

d. Để xây dựng CSVC kĩ thuật của CNXH, nước ta cần đầu tư cho xây dựng.

Câu 16: CNH, HĐH có tác dụng:

a.Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển b.Tạo điều kiện để p.triển LLSX và tăng năng suất LĐ xã hội

c.Tạo điều kiện để nước ta hội nhập k.tế quốc tế d.Nâng cao uy tín của nước ta trên trường quốc tế

Câu 17: Một trong những nội dung cơ bản của CNH, HĐH ở nước ta là:

a. Phát triển mạnh mẽ ngành công nghiệp cơ khí b. Phát triển mạnh mẽ khoa học kĩ thuật

c. Phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin d. Phát triển mạnh mẽ LLSX

Câu 18: Trong TKQĐ lên CNXH ở nước ta tồn tại nền k.tế nhiều TP là vì:

a. Để giải quyết việc làm cho người lao động b. Khai thác mọi tiềm năng sẵn có của đất nước

c. Kinh tế NN và k.tế tập thể còn yếu d. Nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu

BÀI 7

Câu 1: Thành phần kinh tế là gì?

a.Là kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất.

b. Là kiểu quan hệ dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất.

c. Là kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định.

d. Là kiểu quan hệ dựa trên một hình thức sở hữu nhất định.

Câu 2: Để xác định thành phần kinh tế thì cần căn cứ vào đâu?

a.Nội dung của từng thành phần kinh tế b. Hình thức sở hữu

c. Vai trò của các thành phần kinh tế d. Biểu hiện của từng thành phần kinh tế.

Câu 3: Vì sao ở nước ta sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế là một tất yếu khách quan?

a.Vì trong thời kì quá độ ở nước ta tồn tại đan xen một số thành phần kinh tế của xã hội trước, đồng thời trong quá trình xây dựng xã hội mới xuất hiện thêm một số thành phần kinh tế mới.

b. Thời kì quá độ ở nước ta LLSX thấp kém với nhiều trình độ khác nhau nên có nhiều hình thức sở hữu TLSX khác nhau.

c. Cả a, b đúng d. Cả a, b sai

Câu 4: Nước ta hiện nay có bao nhiêu thành phần kinh tế?

a.4 b. 5 c. 6 d. 7

Câu 5: Ở nước ta hiện nay có những thành phần kinh tế nào?

a.Nhà nước , tập thể, tư nhân, tư bản nhà nước, có vốn đầu tư nước ngoài.

b. Nhà nước , tập thể, cá thể tiểu chủ, tư bản nhà nước, có vốn đầu tư nước ngoài.

c. Nhà nước , tập thể, tư bản tư nhân, tư bản nhà nước, có vốn đầu tư nước ngoài.

d. Nhà nước , tập thể, cá thể tiểu chủ, tư bản tư nhân, tư bản nhà nước, có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 6: Kinh tế nhà nước có vai trò như thế nào?

a.Cần thiết b. Chủ đạo c. Then chốt d. Quan trọng

Câu 7: Thành phần kinh tế tư nhân có cơ cấu như thế nào?

a.Kinh tế các thể tiểu chủ, kinh tế tư nhân b. Kinh tế tư nhân, kinh tế cá thể

c. Kinh tế cá thể tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân d. Kinh tế cá thể tiểu chủ, kinh tế tư bản

Câu 8: Lực lượng nòng cốt của kinh tế tập thể là gì?

a.Doanh nghiệp nhà nước b. Công ty nhà nước

c. Tài sản thuộc sở hữu tập thể d. Hợp tác xã

Câu 9: Kinh tế nhà nước dựa trên hình thức sở hữu nào?

a.Nhà nước b. Tư nhân c. Tập thể d. Hỗn hợp

Câu 10: Kinh tế tập thể dựa trên hình thức sở hữu nào?

a.Nhà nước b. Tư nhân c. Tập thể d. Hỗn hợp

Câu 11: Kinh tế tư nhân dựa trên hình thức sở hữu nào?

a.Nhà nước b. Tư nhân c. Tập thể d. Hỗn hợp

Câu 12: Kinh tế tư bản nhà nước dựa trên hình thức sở hữu nào?

a.Nhà nước b. Tư nhân c. Tập thể d. Hỗn hợp

Câu 13: Nội dung quản lí kinh tế của nhà nước là gì?

a.Quản lí các doanh nghiệp kinh tế b. Quản lí các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế nhà nước

c. Quản lí các doanh nghiệp kinh tế, điều tiết vĩ mô

d. Quản lí các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế nhà nước, điều tiết vĩ mô

Câu 14: Làm thế nào để tăng cường vai trò và hiệu lực quản lí kinh tế của nhà nước?

a.Tiếp tục đổi mới công cụ quản lí, tăng cường vai trò của nhà nước

b. Tiếp tục đổi mới công cụ quản lí, tăng cường lực lượng vật chất của nhà nước

c. Tiếp tục đổi mới công cụ quản lí, tăng cường lực lượng vật chất của nhà nước, tiếp tục cải cách hành chính bộ máy nhà nước

d. Tiếp tục đổi mới công cụ quản lí, tiếp tục cải cách hành chính bộ máy nhà nước

Câu 15: Vì sao trong nền kinh tế thị trường ở nước ta sự quản lí của nhà nước là cần thiết và khách quan?

a.Nhà nước là đại diện cho sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất

b. Nhà nước phát huy mặt tích cực và khắc phục mặt hạn chế của nền kinh tế thị trường

c.Nhà nước đại diệ cho xã hội thực hiện việc điều tiết, quản lí nền kinh tế

d. Cả a, b, c đúng

BÀI 8

Câu 1: Sự thay đổi của các hình thái kinh tế xã hội theo chiều hướng nào?

a. Từ thấp đến cao. b. Từ cao đến thấp

c. Thay đổi về trình độ phát triển. d. Thay đổi về mặt xã hội.

Câu 2: Nguyên nhân dẫn dến sự thay đổi từ chế độ xã hội này bằng chế độ xã hội khác là gì?

a. Kinh tế b. Chính trị c. Văn hóa d. Tư tưởng

Câu 3: Yếu tố quyết định dẫn đến sự thay đổi của chế độ xã hội này bằng chế độ xã hội khác là yếu tố nào sau đây?

a. Quan hệ sản xuất. b. Công cụ lao động.

c. Phương thức sản xuất. d. Lực lượng sản xuất.

Câu 4: Hai giai đoạn phát triển của cộng sản chủ nghĩa khác nhau ở yếu tố nào sau đây?

a. Sự phát triển của khoa học công nghệ. b. Sự phát triển của lực lượng sản xuất.

c. Sự phát triển của trình độ dân trí. d. Sự tăng lên của năng suất lao động.

Câu 5: Trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội nước ta cần phải làm gì?

a. Xóa bỏ ngay những yếu tố của xã hội cũ. b. Giữ nguyên những yếu tố của xã hội cũ.

c. Từng bước cải tạo các yếu tố của xã hội cũ. d. Để cho các yếu tố xã hội tự điều chỉnh.

Câu 6: Nguyên nhân nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội là do đâu?

a. Xuất phát từ ý định chủ quan của con người. b. Là một yếu tố khách quan.

c. Do tình hình thế giới tác động. d. Do mơ ước của toàn dân.

Câu 7: Quá độ lên chủ nghĩa xã hội có bao nhiêu hình thức?

a. 2 b. 3

c. 4 d. 5

Câu 8: Hình thức quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam là gì?

a. Quá độ trực tiếp. b. Quá độ gián tiếp.

c. Thông qua một giai đoạn trung gian. d. Theo quy luật khách quan.

Câu 9: Hai hình thức quá độ lên chủ nghĩa xã hội được gọi là gì?

a. Quá độ trực tuyến và quá độ gián tiếp b. Quá độ trực tiếp và quá độ trung gian

c. Quá độ trực tiếp và qua độ trực tuyến d. Quá độ trực tiếp và quá độ gián tiếp

Câu 10: Theo quan điiểm của Mác – Lênin CSCN phát triển qua mấy giai đoạn cơ bản?

a. 2 b. 3

c. 4 d. 5

Câu 11: Giai đoạn đầu của xã hội CSCN được gọi là gì?

a. Xã hội chủ nghĩa b. Chủ nghĩa xã hội c. Xã hội của dân d. Xã hội dân chủ

Câu 12: Quá độ lên CNXH ở Việt Nam bỏ qua chế dộ TBCN được hiểu như thế nào?

a. Bỏ qua toàn bộ sự phát triển trong giai đọa phát triển TBCN.

b. Bỏ qua việc xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất TBCN.

c. Bỏ qua việc sử dụng thành quả khoa học kỉ thuật. d. Bỏ qua phương thức quản lí.

Câu 13: Nguyên tắc phân phối trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa là gì?

a. Làm theo năng lực hưởng theo lao động. b. Làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu.

c. Làm hết mình hưởng hết nhu cầu. d. Tùy theo khả năng để đáp ứng nhu cầu.

Câu 14: Nguyên tắc phân phối trong giai đoạn sau của xã hội cộng sản chủ nghĩa là gì?

a. Làm theo năng lực hưởng theo lao động. b. Làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu.

c. Làm hết mình hưởng hết nhu cầu. d. Tùy theo khả năng để đáp ứng nhu cầu.

Câu 15: Lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua bao mhiêu hình thái kinh tế xã hội?

a. 4 b. 5 c. 6 d. 7

Câu 16: Lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua những hình thái kinh tế xã hội nào sau đây?

a. CSNT, CHNL, PK, TBCN, XHCN b. CSNT, PK, TBCN, XHCN

c. CSNT, CHNL, TBCN, XHCN d. CSNT, CHNL, PK, TBCN

Câu 17: Đặc trưng trên lĩnh vực văn hóa ở xã hội XHCN mà nhân dân ta đang xây dựng là gì?

a. Nền văn hóa kế thừa những truyền thống dân tộc b. Nền văn hóa tiến bộ

c. Nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc d. Nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc

Câu 18: Đặc điểm trên lĩnh vực chính trị thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam là gì?

a. Vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ngày càng được củng cố, nâng cao.

b. Các chính sác được thực hiện có hiệu quả. c. Cả a, b đúng. d. Cả a, b sai.

Câu 19: Đặc điểm trên lĩnh vực kinh tế thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam là gì?

a. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. b. Xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

c. Kinh tế nhà nước giữ vị trí thống trị. d. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng XHCN.

Câu 20: Đặc điểm trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam là gì?

a. Xây dựng nền văn hóa XHCN. b. Tồn tại nhiều loại. nhiều khuynh hướng tư tưởng khác nhau.

c. Đã hình thành xong nền văn hoa XHCN. d. Xóa bỏ ngay tư tưởng, văn hóa xã hội cũ.

Câu 21: Đặc điểm trên lĩnh vực xã hội thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam là gì?

a. Tồn tại giai cấp công nhân và nông dân b. Tồn tại giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức

c. Tồn tại giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức d. Tồn tại nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau

Câu 22: Thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta có đặc điểm gì?

a. Tồn tại nhiều yếu tố khác nhau. b. Có những yếu tố đối lập nhau.

c. Có những yếu tố thâm nhập vào nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. d. Cả a, b, c đúng.

Câu 23: Những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam hiện nay biểu hiện như thế nào?

a. Tất cả đều chưa hình thành. b. Tất cả đều đã hình thành.

c. Có những đặc trưng đã và đang hình thành. d. Không thể đạt đến đặc trưng đó.

Câu 24: Thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam giai cấp nào giữ vai trò hạt nhân đoàn kết các giai cấp và tầng lớp khác trong xã hội?

a. Nông dân b. Tư sản c. Công nhân d. Địa chủ

BÀI 9

Câu 1: Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã tồn tại bao nhiêu kiểu nhà nước?

a. 3 b. 4 c. 5 d. 6

Câu 2: Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã tồn tại những kiểu nhà nước nào sau đây?

a.Nhà nước chiến nô, phong kiến, tư sản, XHCN b.Nhà nước nguyên thủy, chiến nô, tư sản, XHCN

c.Nhà nước nguyên thủy, phong kiến, tư sản, XHCN d.Nhà nước nguyên thủy, chiến nô, phong kiến, XHCN

Câu 3: Trong các kiểu nhà nước Nhà nước nào khác về chất so với các nhà nước trước đó?

a. Chiếm hữu nô lệ. b. Phong kiến c. Tư bản. d. XHCN.

Câu 4: Trong lịch sử xã hội loài người nhà nước xuất hiện khi nào?

a. Thời kì giữa xã hội CSNT. b. Thời kì đầu CSNT.

c. Xuất hiện chế độ tư hữu TLSX. d. Cuối xã hội chiếm hữu nô lệ.

Câu 5: Nhà nước xuất hiện do đâu?

a.Do ý muốn chủ quan của con người. b. Do ý chí của giai cấp thống trị.

c. Là một tất yếu khách quan. d. Do lực lượng siêu nhiên áp đặt từ bên ngoài vào.

Câu 6: Bản chất của nhà nước là gì?

a. Vì lợi ích của tất cả các giai cấp trong xã hội. b. Mang bản chất của các giai cấp chủ yếu trong xã hội.

c. Vì lợi ích của giai cấp áp đảo về số lượng. d. Mang bản chất của giai cấp thống trị.

Câu 7: Bản chất giai cấp của nhà nước được thể hiện như thế nào?

a. Nhà nước là bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác

b. Nhà nước là bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác

c. Cả a,b đúng d. cả a, b sai

Câu 8: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang bản chất của giai cấp nào?

a. Giai cấp công nhân. b.Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân.

c. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. d. Tất cả cá giai cấp trong xã hội.

Câu 9: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân vì sao?

a. Nhà nước có được là thành quả cách mạng của quần chúng nhân dân lao động

b. Nhà nước có được là thành quả cách mạng của giai cấp công nhân

c. Nhà nước có được là thành quả cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

d. Nhà nước có được là thành quả cách mạng của quần chúng nhân dân lao động do giai cấp công nhân thông qua chính đảng là Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Câu 10:Bản chất giai cấp của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện tập trung nhất là gì?

a. Phục vụ lợi ích của nhân dân b. Sự lãnh đạo của ĐCS Việt Nam đối với nhà nước

c. Thể hiện ý chí của nhân dân d. Do nhân dân xây dựng nên

BÀI 10

Câu 1: Dân chủ là gì?

a. Quyền lực thuộc về nhân dân. b. Quyền lực cho giai cấp chiếm số đông trong xã hội

c. Quyền lực cho giai cấp thống trị. d. Quyền lực cho giai cấp áp đảo trong xã hội.

Câu 2: Đặc điểm của nền dân chủ XHCN là gì?

a. Phát triển cao nhất trong lịch sử. b. Rộng rãi nhất và triệt để nhất trong lịch sử.

c. Tuyệt đối nhất trong lịch sử. d. Hoàn bị nhất trong lịch sử.

Câu 3: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực hiện trên các lĩnh vực nào?

a. Kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. b. Kinh tế, chính trị, văn hóa.

c. Kinh tế, chính trị, văn hóa, tinh thần. d. Chính trị, văn hóa, xã hội.

Câu 4: Nền dân chủ XHCN mang bản chất giai cấp nào?

a. Giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động. b. Giai cấp chiếm đa số trong xã hội.

c. Giai cấp công nhân. d. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân.

Câu 5: Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ của ai?

a. Giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động. b. Người thừa hành trong xã hội.

c. Giai cấp công nhân. d. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân.

Câu 6: Nền dân chủ XHCN dựa trên cơ sở kinh tế như thế nào?

a. Chế độ công hữu về TLSX. b. Chế độ tư hữu về TLSX.

c. Kinh tế xã hội chủ nghĩa. d. Kinh tế nhiều thành phần.

Câu 7:Nền dân chủ XHCN dựa trên hệ tư tưởng nào?

a. Giai cấp công nhân. b. Giai cấp nông dân.

c. Giai cấp tư sản. d. Hệ tư tưởng Mác – Lênin.

Câu 8: Một trong những nguyên tắc cơ bản để xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân là gì?

a. Quyền lực tập trung trong tay nhà nước b. Nhà nước quản lí mọi mặt xã hội

c. Quyền lực thuộc về nhân dân d. Nhân dân làm chủ

Câu 9: Một yếu tố không thể thiếu để xây dựng nền dân chủ XHCN là gì?

a. Pháp luật, kỷ luật. b. Pháp luật, kỉ luật, kỉ cương.

c. Pháp luật,nhà tù. d. Pháp luật, quân đội.

Câu 10: Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực kinh tế ở Việt Nam là gì?

a. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật.

b. Mọi công dân dều bình đẳng và tự do kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật.

c. Mọi công dân dều bình đẳng và tự do kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo quy định của pháp luật.

d. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật và tự do lựa chọn ngành nghề.

BÀI 11

Câu 1: Nước ta muốn có quy mô, cơ cấu dân số và phân bố dân cư hợp lí để phát triển nhanh và bền vững thì phải làm như thế nào?

a. Có chính sách dân số đúng đắn b. Khuyến khích tăng dân số

c. Giảm nhan việc tăng dân số d. Phân bố lại dân cư hợp lí

Câu 2: Quy mô dân số là gì?

a. Là số người dân trong mỗi quốc gia tại một thời điểm nhất định

b. Là số người dân sống trong một khu vực tại một thời điểm nhất định

c. Là số người sống trong một đơn vị hành chính tại một thời điểm nhất định.

d. Là số người sống trong một quốc gia khu vực, vùng địa lí kinh tế tại thời điểm nhất định

Câu 3: Cơ cấu dân số là gì?

a. Là tổng số dân được phân loại theo giới tính, độ tuổi

b. Là tổng số dân được phân loại theo giới tính, độ tuổi, dân tộc, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng hôn nhân

c. Là tổng số dân được phân loại theo độ tuổi dân tộc, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng hôn nhân

d. Là tổng số dân được phân loại theo giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng hôn nhân

Câu 4: Phân bố dân cư là gì?

a. Là sự phân chia tổng số dân theo khu vực

b. Là sự phân chia tổng số dân theo khu vực, vùng địa lí kinh tế.

c. Là sự phân chia tổng số dân theo khu vực, vùng địa lí kinh tế hoặc một đơn vị hành chính.

d. Là sự phân chia tổng số dân theo khu vực hoặc một đơn vị hành chính.

Câu 5:Nói đến chất lượng dân số là nói đến tiêu chí nào sau đây?

a. Yếu tố thể chất b. Yếu tố thể chất, trí tuệ và tinh thần

c. Yếu tố trí tuệ d. Yếu tố thể chất và tinh thần

Câu 6: Một trong những mục tiêu của chính sách dân số nước ta là gì?

a. Tiếp tục giảm tốc độ gia tăng dân số b. Tiếp tục giảm quy mô dân số

c. Tiếp tục giảm cơ cấu dân cư d. Tiếp tục tăng chất lượng dân số

Câu 7: Một trong những mục tiêu của chính sách dân số nước ta là gì?

a. Sớm ổn định quy mô, cơ cấu dân số b. Sớm ổn định quy mô và tốc độ gia tăng dân số

c. Sớm ổn định cơ cấu và tốc độ gia tăng dân số d. Sớm ổn điịnh mức tăng tự nhiên

Câu 8: Một trong những mục tiêu của chính sách dân số nước ta là gì?

a. Nâng cao hiệu quả của chính sách dân số để phát triển nguồn nhân lực

b. Nâng cao chất lượng dân số để phát triển nguồn nhân lực

c. Nâng cao chất lượng cuộc sống để phát triển nguồn nhân lực

d. Nâng cao đời sống nhân dân để phát triển nguồn nhân lực

Câu 9: Một trong những phương hướng cơ bản của chính sách dân số nước ta là gì?

a. Làm tốt công tác thông tin tuyên truyền b. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục

c. Làm tốt công tác tuyên truyền d. Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục

Câu 10: Một trong những phương hướng cơ bản của chính sách dân số nước ta là gì?

a. Nâng cao đời sống nhân dân b. Tăng cường nhận thức, thông tin

c. Nâng cao hiệu quả đời sống nhân dân d. Nâng cao hiể biết của người dân

Câu 11: Một trong những phương hướng cơ bản của chính sách dân số nước ta là gì?

a. Tăng cường công tác lãnh đạo và quản lí b. Tăng cường công tác tổ chức

c. Tăng cường công tác giáo dục d. Tăng cường công tác vận động

Câu 12: Tình hình việc làm nước ta hiện nay như thế nào?

a. Việc là thiếu trầm trọng b. Việc là là vấn đề không cần quan tâm nhiều

c. Việc làm đã được giải quyết hợp lí d. Thiếu việc làm là vấn đề bức xúc ở nông thôn và thành thị

Câu 13: Một trong những mục tiêu của chính sách giải quyết việc là nước ta là gì?

a. Phát triển nguồn nhân lực b. Mở rộng thị trường lao động

c. Phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường lao động d. Xuất khẩu lao động

Câu 14: Một trong những mục tiêu của chính sách giải quyết việc là nước ta là gì?

a. Tập trung giải quyết việc là ở cả thành thị và nông thôn

b. Tập trung giải quyết việc là ở cả nông thôn

c. Tập trung giải quyết việc là ở cả thành thị

d. Khuyến khích người lao động làm giàu hợp pháp

Câu 15: Một trong những mục tiêu của chính sách giải quyết việc là nước ta là gì?

a. Giảm tỉ lệ thất nghiệp b. Tăng tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề

c. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn d. Giảm tỉ lệ thất nghiệp, tăng tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề

BÀI 12

Câu 1: Tài nguyên thiên nhiên thường chia làm mấy loại?

a. Ba loại; không thể phục hồi, có thể phục hồi và vô tận

b. Ba loại: khoáng sản, đất đai, động thực vật

c. Ba loại: không thể phục hồi, có thể phục hồi và khoáng sản.

d. Ba loại: đất đai, động vật, thực vật

Câu 2: Vấn đề nào dưới đây cần tất cả các nước cùng cam kết thực hiện thì mới có thể được giải quyết triệt để?

a. Phát hiện sự sống ngoài vũ trụ b. Vấn đề dân số trẻ

c. Chống ô nhiễm môi trường d. Đô thị hóa và việc làm

Câu 2: Cách xử lí rác nào sau đây có thể đỡ gây ô nhiễm môi trường nhất?

a. Đốt và xả khí lên cao b. Chôn sâu

c. Đổ tập trung vào bãi rác d. Phân loại và tái chế

Câu 4: Vấn đề nào dưới đây được đặc biệt chú ysowr nước ta do tác động lâu daifcuar nó đối với chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững?

a. Phát triển đô thị b. Phát triển chăn nuôi gia đình

c. Giáo dục môi trường cho thế hệ trẻ d. Giáo dục và rèn luyện thể chất cho thế hệ trẻ

Câu 5:Tài nguyên thiên nhiên nước ta rất, thuận lợi cho sự phát triển của đất nước, điều nào thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

a. Khoáng sản phong phú, đất đai màu mỡ, rừng có nhiều laoij quý hiếm

b. Biển rộng lớn, phong cảnh đẹp, có nhiều hải sản quý

c. Không khí, ánh sáng và nguồn nước dồi dào d. Cả a, b, c đúng

Câu 6: Hiện nay tài nguyên đất đang bị xói mòn nghiêm trọng là do đâu?

a. Mưa lũ, hạn hán b. Thiếu tính toán khi xây dựng các khu kinh tế mới

c. Chặt phá rừng, khai hoang bừa bãi, thiếu tính toán khi xây dựng các khu kinh tế mới

d. Câu a, b đúng

Câu 7: Mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường nước ta hiện nay là gì?

a. Khai thác nhanh, nhiều tài nguyên để đẩy mạnh phát triển kinh tế

b. Ngăn chặn tình trạng hủy hoại đang diễn ra nghiêm trọng

c. Cải thiện môi trường, tránh xu hướng chạy theo lợi ích trước mắt để gây hại cho môi trường

d. Sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, từng bước nâng cao chất lượng môi trường, góp phần phất triển kinh tế - xã hội bền vững.

Câu 8: Làm gì để bảo vệ tài nguyên, môi trường nước ta hiện nay?

a. Giữ nguyên hiện trạng

b. Không khai thác và sử dụng tài nguyên; chỉ làm cho môi trường tốt hơn

c. Nghiêm cấm tất cả các ngành sản xuất có thể ảnh hưởng xấu đến môi trường

d. Sử dụng hợp lí tài nguyên, cải thiện môi trường, ngăn chặn tình trạng hủy hoại đang diễn ra nghiêm trọng

Câu 9: Để thực hiện mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường chúng ta cần có những biện pháp nào?

a. Quy định quyền sở hữu, trách nhiệm sử dụng tài nguyên b. Gắn lợi ích và quyền

c. Gắn trách nhiệm và nghĩa vụ d. Xử lí kịp thời

Câu 10: Để thực hiện mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường chúng ta cần có những biện pháp nào?

a. Gắn lợi ích và quyền b. Tài nguyên đưa vào sử dụng phải nộp thuế và trả tiền thuê

c. Gắn trách nhiệm và nghĩa vụ d. Xử lí kịp thời

Câu 11: Để thực hiện mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường chúng ta cần có những biện pháp nào?

a. Gắn lợi ích và quyền b. Gắn trách nhiệm và nghĩa vụ

c. Khai thác đi đôi với bảo vệ, tái tạo; có biện pháp bảo vệ môi trường d. Xử lí kịp thời

Câu 12: Mọi tài nguyên đưa vào sử dụng đều phải nộp thuế và trả tiền thuê nhằm mục đích gì?

a. Ngăn chặn tình trạng hủy hoại đang diễn ra nghiêm trọng

b. Sử dụng tiết kiệm tài nguyên

c. Hạn chế việc sử dụng để cho phát triển bền vững

d. Sử dụng hợp lí tài nguyên, ngăn chặn khai thác bừa bãi dẫn đến hủy hoại, chống xu hướng chạy theo lợi ích trước mắt.

Câu 13: Chính sách đối với tài nguyên không thể phục hồi là gì?

a. Không được khai thác b. Khai thác một cách tiết kiệm để phát triển lâu dài

c. Khai thác bao nhiêu cũng được, miễn là nộp thuế, trả tiền thuê một cách đầy đủ

d. Sử dụng một cách hợp lí, tiết kiệm và nộp thuế và trả tiền thuê để phát triển bền vững

Câu 14: Đâu là biện pháp hiệu quả để giữ cho môi trường trong sạch?

a. Các nhà máy phải có hệ thống xử lí chất gây ô nhiễm

b. Thu gom, xử lí tốt rác thải sinh hoạt

c. Mỗi người phải chấp hành tốt luật bảo vệ môi trường và tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ môi trường

d. Tất cả các phương án trên

Câu 15: Đối với tài nguyên có thể phục hồi, chính sách của Đảng và nhà nước là gì?

a. Khai thác tối đa b. Khai thác đi đôi với bảo vệ

c. Khai thác, sử dụng hợp lí, tiết kiệm, kết hợp với bảo vệ, tái tạo và phải nộp thuế hoặc trả tiền thuê đầy đủ.

d. Khai thác theo nhu cầu, nộp thuế hoặc trả tiền thuê đầy đủ

BÀI 13

Câu 1: Vì sao sự nghiệp giáo dục – đào taọ nước ta được coi là quốc sách hàng đầu?

a. Có vai trò quan trọng trong việc giữ gìn, truyền bá văn minh

b. Là điều kiện để phát huy nguồn lực

c. Là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy CNH – HĐH

d. Là điều kiện quan tronhj để phát triển đất nước

Câu 2: Nhiệm vụ của giáo dục – đào tạo nước ta hiện nay là gì?

a. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc b. Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài

c. Phục vụ sự nghiệp CNH – HĐH đất nước d. Cả a, b, c đúng

Câu 3: Để phát triển giáo dục đào tạo, nhà nước cần phải có chính sách như thế nào?

a. Nhận thức đúng đắn về vị trí ”quốc sách hàng đầu” của giáp dục và đào tạo

b. Bảo đảm quyền học tập của nhân dân, huy động mọi nguồn lực cho giáo dục

c. Phát triển nhiều hình thức giáo dục, cải tiến nội dung, phương pháp dạy học

d. Cả a, b, c đúng

Câu 4: Muốn nâng cao hiệu quả và chất lượng của giáo dục đào tạo chúng ta phải làm như thế nào?

a. Thực hiện giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy hoc

b. Đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lí

c. Có chính sách đúng đắn trong việc, phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài

d. Cả a, b, c đúng

Câu 5: Nước ta muốn thoát khỏi tình trạng kém phát triển, hội nhập có hiệu quả thì giáo dục đào tạo cần phải thực hiện nhiệm vụ như thế nào?

a. Đào tạo được nhiều nhân tài, chuyên gia trên tất cả các lĩnh vực

b. Đào tạo nhiều nhân tài trong lĩnh vực giáo dục

c. Cần có nhân tài, chuyên gia trong lĩnh vực khoa học

d. Cần có nhân tài, chuyên gia trong lĩnh vực khoa học công nghệ

Câu 6: Làm thế nào để mở rộng quy mô giáo dục – đào tạo nước ta?

a. Dựa trên cơ sở chất lượng, hiệu quả b. Gắn với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội

c. Cả a, b, c đúng d. Cả a, b, c đúng

Câu 7: Thế nào là mở rộng quy mô giáo dục?

a. Mở rộng từ giáo dục mầm non đến đại học b. Mở rộng các trường dạy nghề và trung cấp chuyên nghiệp

c. Cả a, b, c đúng d. Cả a, b, c đúng

Câu 8: Vì sao công bằng xã hội trong giáo dục là vấn đề mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc của sự nghiệp giáo dục nước ta?

a. Đảm bảo quyền của công dân b. Đảm bảo nghĩa vụ của công dân

c. Tạo điều kiện để mọi người có cơ hội học tập và phát huy tài năng

d. Để công dân nâng cao nhận thức

Câu 9: Phương hướng tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo đòi hổi chúng ta phải làm gì?

a. Tiếp cận với chuẩn mực giáo dục tiên tiến trên thế giới

b. Tiếp cận với trình độ khoa học công nghệ trên thế giới

c. Tham gia đào tạo nhân lực trong khu vực và trên thế giới

d. Tiếp cận với chuẩn mực giáo dục tiên tiến trên thế giới phù hợp với yêu cầu phát triển của nước ta.

Câu 10: Đảng và nhà nước ta có quan niệm và nhận định như thế nào về giáo dục và đào tạo?

a. Quốc sách hàng đầu b. Quốc sách

c. Yếu tố then chốt để phát triển đất nước d. Nhân tố quan trọng trong chính sách quốc gia

Câu 11: Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật, Đảng và nhà nước ta xác định tầm quan trọng của khoa học công nghệ là gì?

a. Động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển đất nước b. Điều kiện để phát triển đất nước

c. Tiền đề để xây dựng đất nước d. Mục tiêu phát triển của đất nước

Câu 12: Một trong nững nhiệm vụ của khoa học công nghệ là gì?

a. Bảo vệ Tổ quốc b. Phát triển nguồn nhân lực

c. Giải đáp kịp thời vấn đề lí luận và thực tiễn do cuộc sống đăt ra d. Phát triển khoa học

Câu 13: Phương án nào sau đây đúng khi nói về nhiệm vụ của khoa học và công nghệ?

a. Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước

b. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỉ thuật phục vụ cho sự nghiệp CNH – HĐH

c. Tạo ra sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất

d. Tiền đề để phát triển đất nước

Câu 14:Nhờ dâu mà các nước phát triển nhanh, nền kinh tế có sức cạnh tranh mạnh mẽ?

a. Tài nguyên thiên nhiên phong phú b. Nguồn nhân lực dồi dào

c. Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng và sử dụng có hiệu quả những thành tựu của KHCN

d. Không có chiến tranh

Câu 15: Một trong những phương hướng cơ bản của khoa học công nghệ là gì?

a. Đổi mới cơ chế quản lí khoa học và công nghệ b. Cung cấp luận cứ khoa học

c. Giải đáp kịp thời vấn đè lí luận và thực tiễn d. Cả a, b, c đúng

Câu 16: Một trong những phương hướng cơ bản của khoa học công nghệ là gì?

a. Cung cấp luận cứ khoa học b. Tạo thị trường cho khoa học và công nghệ

c. Giải đáp kịp thời vấn đè lí luận và thực tiễn d. Cả a, b, c đúng

Câu 17: Một trong những phương hướng cơ bản của khoa học công nghệ là gì?

a. Cung cấp luận cứ khoa học b. Giải đáp kịp thời vấn đè lí luận và thực tiễn

c. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ d. Cả a, b, c đúng

Câu 18: Một trong những phương hướng cơ bản của khoa học công nghệ là gì?

a. Cung cấp luận cứ khoa học b. Giải đáp kịp thời vấn đè lí luận và thực tiễn

c. Tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm d. Cả a, b, c đúng

Câu 19: Nhà nước đổi mới cơ chế quản lí khoa học và công nghệ nhằm mục đích gì?

a. Khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học và công nghệ

b. Tạo ra thị trường cạnh tranh bình đẳng

c.Nâng cao số lượng đội ngũ nghiên cứu khoa học

d. Nâng cao chất lượng đội ngũ nghiên cứu khoa học

Câu 20: Nhà nước đổi mới cơ chế quản lí khoa học và công nghệ như thế nào?

a. Tạo ra thị trường cạnh tranh bình đẳng

b. Nhà nước đầu tư ngân sách vào các chương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới

c.Nâng cao số lượng đội ngũ nghiên cứu khoa học

d. Nâng cao chất lượng đội ngũ nghiên cứu khoa học

Câu 21: Nhà nước đổi mới cơ chế quản lí khoa học và công nghệ như thế nào?

a. Tạo ra thị trường cạnh tranh bình đẳng

b.Nâng cao số lượng đội ngũ nghiên cứu khoa học

c. Huy động các nguồn lực để đi nhanh vào một số lĩnh vực sử dụng công nghệ cao và công nghệ tiên tiến

d. Nâng cao chất lượng đội ngũ nghiên cứu khoa học

Câu 22: Để có thị trường khoa học công nghệ nước ta cần phải có chính sách như thế nào?

a. Tạo thị trường cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy việc áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ.

b. Khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học và công nghệ

c. Nhà nước đầu tư ngân sách vào các chương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới

d. Huy động các nguồn lực để đi nhanh vào một số lĩnh vực sử dụng công nghệ cao và công nghệ tiên tiến

Câu 23: Để có thị trường khoa học công nghệ nước ta cần phải có chính sách như thế nào?

a. Khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học và công nghệ

b. Đổi mới công nghệ

c. Nhà nước đầu tư ngân sách vào các chương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới

d. Huy động các nguồn lực để đi nhanh vào một số lĩnh vực sử dụng công nghệ cao và công nghệ tiên tiến

Câu 24: Để có thị trường khoa học công nghệ nước ta cần phải có chính sách như thế nào?

a. Khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học và công nghệ

b. Nhà nước đầu tư ngân sách vào các chương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới

c. Hoàn thiện cơ sở pháp lí và nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật về sở hữu trí tuệ, trọng dụng nhân tài

d. Huy động các nguồn lực để đi nhanh vào một số lĩnh vực sử dụng công nghệ cao và công nghệ tiên tiến

Câu 25: Để nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ nước ta cần phải có biện pháp như thế nào?

a. Nâng cao chất lượng, tăng thêm số lượng đội ngũ cán bộ khoa học

b. Khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học và công nghệ

c. Nhà nước đầu tư ngân sách vào các chương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới

d. Huy động các nguồn lực để đi nhanh vào một số lĩnh vực sử dụng công nghệ cao và công nghệ tiên tiến

Câu 26: Để nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ nước ta cần phải có biện pháp như thế nào?

a. Khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học và công nghệ

b. Tăng cường cơ sở vật chất kỉ thuật

c. Tạo ra thị trường cạnh tranh bình đẳng

d.Nâng cao số lượng đội ngũ nghiên cứu khoa học

Câu 27: Để nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ nước ta cần phải có biện pháp như thế nào?

a. Khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học và công nghệ

b. Tạo ra thị trường cạnh tranh bình đẳng

c. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế

d.Nâng cao số lượng đội ngũ nghiên cứu khoa học

Câu 28: Những lĩnh vực nào của khoa học công nghệ được xác định là trọng tâm?

a. Các lĩnh vực khoa học xã hội, ứng dụng

b. Chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn

c. Phát triển công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới

d. Cả a, b, c đúng

Câu 29: Nền văn hóa tiên tiến là nền văn hóa như thế nào?

a. Thể hiện tinh thần yêu nước b. Tiến bộ

c. Thể hiện tinh thần đại đoàn kết d. Thể hiện tinh thần yêu nước và đại đoàn kết

Câu 30: Một trong những phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc là gì?

a. Làm cho chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh Giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân

b. Đổi mới cơ chế quản lí văn hóa

c. Tập trung vào nhiệm vụ xxaay dựng văn hóa

d. Tạo môi trường cho văn hóa phát triển

Câu 31: Một trong những phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc là gì?

a. Đổi mới cơ chế quản lí văn hóa

b. Kế thừa, phát huy những di sản và truyền thống văn hóa của dân tộc

c. Tập trung vào nhiệm vụ xxaay dựng văn hóa

d. Tạo môi trường cho văn hóa phát triển

Câu 32: Một trong những phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc là gì?

a. Đổi mới cơ chế quản lí văn hóa

b. Tập trung vào nhiệm vụ xxaay dựng văn hóa

c. Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

d. Tạo môi trường cho văn hóa phát triển

Câu 33: Một trong những phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc là gì?

a. Đổi mới cơ chế quản lí văn hóa

b. Tập trung vào nhiệm vụ xxaay dựng văn hóa

c. Tạo môi trường cho văn hóa phát triển

d. Nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ văn hóa, phát huy tiềm năng sáng tạo văn hóa trong nhân dân

Câu 34: Nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc là nền văn hóa như thế nào?

a. Nền văn hóa tạo ra sức sống của dân tộc b. Nền văn hóa thể hiện bản lĩnh dân tộc

c. Nền văn hóa chứa đựng những yếu tố tạo ra sức sống, bản lĩnh dân tộc.

d. Nền văn hóa kế thừa truyền thống.

Câu 35: Để xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc chúng ta cần phải làm gì?

a. Xóa bỏ tất cả những gì thuộc quà khứ b. Giữ nguyên truyền thống dân tộc

c. Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

d. Kế thừa, phát huy những di sản và truyền thống văn hóa của dân tộc; tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại

Câu 36: Làm thế nào để kế thừa và phát huy những di sản, truyền thống văn hóa của dân tộc?

a. Bảo tồn các giá trị chungcuar tất cả các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam

b. Bảo tồn những nét đẹp riêng của mỗi dân tộc trên đất nước Việt Nam

c. Bảo tồn, phát huy những giá trị chung và nét đẹp riêng của các dân tộc trên đất nước Việt Nam

d. Bảo tồn, phát huy những nét đẹp riêng của mỗi dân tộc trên đất nước Việt Nam

Câu 37: Làm thế nào để kế thừa và phát huy những di sản, truyền thống văn hóa của dân tộc?

a. Kế thừa, phát huy những giá trị tinh thần, đạo đức, thẩm mỹ, văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc

b. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, di sản văn hóa và danh lam thắng cảnh của đất nước.

c. Kế thừa, phát huy những giá trị tinh thần, đạo đức, thẩm mỹ, văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, di sản văn hóa và danh lam thắng cảnh của đất nước.

d. Kế thừa, phát huy những giá trị tinh thần, đạo đức, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, di sản văn hóa và danh lam thắng cảnh của đất nước.

Câu 38: Vì sao phải làm cho thế giới quan Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân?

a. CN Mác Lênin cho chúng ta nhận thức đúng đắn về tự nhiên, xã hội và tư duy để xây dựng xã hội mới, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo CN Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta

b. Tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành giá trị tinh thần, tài sản quý báu của dân tộc ta

c. Cả a, b đúng d. Cả a, b sai

HẾT